

Số: 66/TT-UBND

Hà Giang, ngày 26 tháng 11 năm 2020

TỜ TRÌNH

**Về việc phê chuẩn dự toán thu NSNN trên địa bàn; thu, chi
Ngân sách địa phương và phương án phân bổ Ngân sách địa phương
năm 2021; Kế hoạch tài chính – Ngân sách nhà nước 3 năm 2021-2023**

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang căn cứ:

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm, kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;
- Quyết định số /QĐ-TTg ngày /11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;
- Quyết định số /QĐ-BTC ngày /11/2020 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;
- Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 07/9/2018 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tái cơ cấu kinh tế tỉnh Hà Giang đến năm 2030;
- Nghị quyết số 55/2016/NQ-HĐND ngày 11/12/2016; Nghị quyết số 115/2017/NĐ-CP ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hà Giang ban hành kèm theo Nghị quyết số 55/2016/NQ-HĐND ngày 11/12/2016.
- Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 11/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017;
- Nghị quyết số /2020/NQ-HĐND ngày /12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, về việc kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2017-2020 sang năm 2021;
- Thông báo Kết luận số -KL/TU ngày/11/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, về việc cho ý kiến đối với phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2021;
- Tình hình thực hiện dự toán thu NSNN và chi NSDP năm 2020; nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, an sinh xã hội và khả năng cân đối ngân sách địa phương năm 2021.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Kỳ họp thứ 16 - Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII về dự toán thu NSNN trên địa bàn; thu, chi NSDP và phương án phân bổ NSDP năm 2021; kế hoạch tài chính NSNN 3 năm 2021-2023 như sau:

Phần I

DỰ TOÁN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN; DỰ TOÁN THU, CHI NSDP VÀ PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ NSDP NĂM 2021

I. DỰ TOÁN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN

Tổng thu NSNN trên địa bàn năm 2021 là **2.700 tỷ đồng**, tăng 44,6% so với dự toán TW giao (số tuyệt đối tăng 832,7 tỷ đồng) và tăng 8% so với ước thực hiện thu năm 2020, trong đó: NSDP hưởng 2.218,6 tỷ đồng; NSTW hưởng 481,4 tỷ đồng.

Chi tiết theo từng nội dung thu như sau:

1. Thu nội địa 2.403,4 tỷ đồng, tăng 45% so với dự toán TW giao (số tuyệt đối tăng 746,1 tỷ đồng) và tăng 7,8% so với ước thực hiện năm 2020, chi tiết các khoản thu giao tăng gồm:

- Thu tiền sử dụng đất 550 tỷ đồng (TW giao 70 tỷ đồng).
- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh 131,34 tỷ đồng.
- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản 31,44 tỷ đồng.
- Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý 10 tỷ đồng.
- Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý 01 tỷ đồng.
- Thu phí, lệ phí 3,9 tỷ đồng.
- Lệ phí trước bạ 2,65 tỷ đồng.
- Thuế thu nhập cá nhân 5 tỷ đồng.
- Thuế bảo vệ môi trường tăng 5 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập 400 triệu đồng.
- Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 300 triệu đồng.
- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 69 triệu đồng.
- Thu khác ngân sách 5 tỷ đồng.

2. Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu 270 tỷ đồng, tăng 28,6% so với dự toán TW giao (số tuyệt đối tăng 60 tỷ đồng) và tăng 8% so với ước thực hiện năm 2020 (NSTW hưởng 100% số thu).

3. Thu viện trợ, huy động, đóng góp 26,6 tỷ đồng (TW không giao thu)

II. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Tổng thu NSDP năm 2021 là **13.020,36 tỷ đồng**, trong đó:

1. Thu NSDP được hưởng theo phân cấp 2.218,53 tỷ đồng, gồm:

- Thu từ thuế, phí, lệ phí và thu khác ngân sách 2.191,93 tỷ đồng.
- Thu viện trợ, huy động, đóng góp 26,6 tỷ đồng.

2. Thu bổ sung từ NSTW 10.665,34 tỷ đồng, gồm:

- Bổ sung cân đối ngân sách và cải cách tiền lương 8.115,132 tỷ đồng.
- Bổ sung có mục tiêu 2.550,208 tỷ đồng (không bao gồm các CTMTQG do TW chưa giao kế hoạch vốn thực hiện), trong đó:
 - + Vốn đầu tư thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ 2.055,265 tỷ đồng.
 - + Kinh phí sự nghiệp thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và chế độ, chính sách 494,943 tỷ đồng.

3. Thu từ nguồn vay của NSDP 87,9 tỷ đồng

Vay lại Chính phủ thực hiện dự án ODA theo Hiệp định và Hợp đồng vay giữa tỉnh với Bộ Tài chính.

4. Thu chuyển nguồn năm 2020 sang 48,59 tỷ đồng

Dự kiến chuyển nguồn kinh phí thực hiện một số chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên năm 2020 chưa sử dụng hết (do dịch Covid-19, thời gian học thực tế giảm, nên một số chế độ, chính sách hỗ trợ chi trả theo thời gian học thực tế còn dư) sang năm 2021 tiếp tục phân bổ, sử dụng.

III. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Tổng chi NSDP năm 2021 là 12.989,681 tỷ đồng, gồm:

1. Chi cân đối ngân sách 10.364,283 tỷ đồng, trong đó:

a) Chi đầu tư phát triển 1.525,396 tỷ đồng, tăng 63,9% so với dự toán TW giao, số tuyệt đối tăng 594,6 tỷ đồng, chiếm 14,7% tổng chi cân đối ngân sách và tăng 16,4% so với dự toán tỉnh giao năm 2020, cụ thể:

- Chi đầu tư XD CB vốn trong nước 751,1 tỷ đồng (giảm 30,679 tỷ đồng so với dự toán TW giao do bố trí trả nợ gốc tiền vay).

- Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất 620 tỷ đồng (tăng 550 tỷ đồng so với dự toán TW giao), trong đó: ngân sách cấp tỉnh 413,01 tỷ đồng (phân bổ chi tiết trong năm theo tiến độ thu); ngân sách cấp huyện 206,99 tỷ đồng (thuộc thẩm quyền phân bổ của các huyện, thành phố).

- Đầu tư từ nguồn thu XSKT 22 tỷ đồng = dự toán TW giao, trong đó: ngân sách cấp tỉnh 5 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện 17 tỷ đồng (thuộc thẩm quyền phân bổ của các huyện, thành phố).

- Đầu tư từ 30% số giao tăng nhiệm vụ thu so với dự toán thu TW giao (trừ tăng thu tiền sử dụng đất, XSKT, thu viện trợ, đóng góp) 44,4 tỷ đồng (sau khi đã bố trí tăng nguồn dự phòng ngân sách theo quy định của Luật NSNN, đảm bảo dự phòng ngân sách năm 2021 bằng 2% tổng chi cân đối NSDP): phân bổ chi tiết trong năm theo khả năng thu và quy định của Luật NSNN.

b) Chi thường xuyên 8.500,5 tỷ đồng = dự toán TW giao, chiếm 83,1% chi cân đối ngân sách, giảm 1,4% so với dự toán giao năm 2020 (số tuyệt đối giảm 50,61 tỷ đồng), trong đó:

- Đảm bảo quỹ tiền lương và các chế độ phụ cấp, trợ cấp theo mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội, nhiệm vụ chính trị, hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị theo định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSDP do HĐND tỉnh quy định tại Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND và các chế độ, định mức chi tiêu theo quy định hiện hành của TW và của tỉnh.

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương để bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát triển KT-XH, QPAN và các chính sách, chế độ, đề án, kế hoạch tỉnh ban hành theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII (phát triển cây có múi, vườn tạp, đột phá về hạ tầng giao thông...), trong đó ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, kiến thiết thị chính, chỉnh trang đô thị.

- Đảm bảo lĩnh vực chi giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ cao hơn hoặc bằng dự toán TW giao theo quy định của Luật NSNN, cụ thể: sự nghiệp GDĐT 3.973,4 tỷ đồng, tăng 1,8 tỷ đồng so với dự toán TW giao và chiếm 46,7% tổng chi thường xuyên; sự nghiệp khoa học và công nghệ 22,2 tỷ đồng, tăng 16,1% so với dự toán TW giao (số tuyệt đối tăng 3,1 tỷ đồng).

- Tổng kinh phí tiết kiệm 20% dự toán chi thường xuyên năm 2021 (không kể quỹ tiền lương và các khoản có tính chất lương) để thực hiện CCTL; các chế độ chính sách của tỉnh và chương trình xây dựng nông thôn mới là 223,4 tỷ đồng, trong đó: ngân sách cấp huyện 106,3 tỷ đồng; ngân sách cấp tỉnh 117,1 tỷ đồng.

c) Chi trả nợ lãi các khoản vay 2,9 tỷ đồng = dự toán TW giao.

d) Chi dự phòng ngân sách 206,14 tỷ đồng, tăng 7,7% so với dự toán TW giao, số tuyệt đối tăng 14,75 tỷ đồng do bố trí tăng dự phòng ngân sách từ số địa phương giao tăng thu theo quy định của Luật NSNN (bằng 2% tổng chi cân đối), trong đó: cấp tỉnh 77,49 tỷ đồng; cấp huyện, xã 128,65 tỷ đồng.

đ) Bổ sung Quỹ dự trữ tài chính 1,2 tỷ đồng.

e) Chi tạo nguồn cải cách tiền lương 128,14 tỷ đồng (= 70% số tỉnh giao tăng nhiệm vụ thu, không bao gồm thu tiền sử dụng đất, XSKT, viện trợ, đóng góp và phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản).

2. Chi từ nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và chế độ, chính sách 2.550,208 tỷ đồng = dự toán TW giao, giảm 36% so với dự toán năm 2020 (số tuyệt đối giảm 1.436,9 tỷ đồng). Phân bổ theo đúng nội dung của từng mục tiêu, nhiệm vụ (phần B - Biểu số 03), trong đó:

a) Vốn thực hiện các CTMTQG: Trung ương chưa giao (dự toán năm 2020 là 1.572,8 tỷ đồng).

b) Vốn đầu tư thực hiện các dự án được TW bổ sung mục tiêu 2.055,265 tỷ đồng, tăng 45,1% so với DT năm 2020 (số tuyệt đối tăng 639,2 tỷ đồng), gồm:

- Vốn nước ngoài 931,911 tỷ đồng, tăng 23,6% so với kế hoạch năm 2020, số tuyệt đối tăng 177,7 tỷ đồng do:

+ Tăng kế hoạch vốn thực hiện các dự án Chương trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh); Dự án hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc tại Hà Giang.

+ Bố trí vốn cho dự án mới triển khai thực hiện trong năm 2021, gồm: Dự án ĐTXD và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở; Dự án phát triển đa mục tiêu cho đồng bào dân tộc thiểu số các xã nghèo huyện Xín Mần.

- Vốn trong nước 1.123,354 tỷ đồng, tăng 69,7% so với KH năm 2020, số tuyệt đối tăng 461,6 tỷ đồng do:

+ Bố trí vốn để thu hồi số NSTW đã ứng trước cho tỉnh 91,255 tỷ đồng.

+ Bố trí kế hoạch vốn thực hiện một số dự án trọng điểm như: dự án cải tạo, nâng cấp đường Bắc Quang - Xín Mần (ĐT 177, đoạn từ Km0 - Km55); dự án ổn định dân cư, phát triển KTXH vùng tái định cư dự án thủy điện Tuyên Quang trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

c) Kinh phí sự nghiệp thực hiện các nhiệm vụ và chế độ, chính sách 494,943 tỷ đồng, giảm 50,4% so với dự toán TW giao (số tuyệt đối giảm 503,3 tỷ đồng), gồm:

- Vốn nước ngoài 10,8 tỷ đồng, giảm 82,3% so với dự toán năm 2020.

- Vốn trong nước 484,143 tỷ đồng, giảm 48,3% so với dự toán năm 2020, số tuyệt đối giảm 453,1 tỷ đồng, trong đó:

+ Giảm 161,8 tỷ đồng do từ năm 2021 không còn các chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ.

+ Giảm 85,27 tỷ đồng kinh phí TW bổ sung hỗ trợ để đảm bảo mặt bằng dự toán chi NSDP (do TW đưa dự toán chi thường xuyên năm 2021 về mặt bằng dự toán năm 2017).

+ Giảm 32,54 tỷ đồng kinh phí thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 về Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển KT-XH vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020 và Quyết định 2086/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 phê duyệt Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016 - 2025; Đề án kinh tế xã hội vùng dân tộc rất ít người (từ năm 2021 thuộc nội dung lồng ghép trong CTMTQG phát triển KT-XH vùng DTTS và miền núi theo Nghị quyết 88/2019/QH14).

+ Số còn lại giảm 173,5 tỷ đồng, do TW bổ sung kinh phí thực hiện một số chính sách an sinh xã hội (ngoài số đã giao trong cân đối ngân sách) bằng 70% dự toán tỉnh đề nghị; số còn thiếu sẽ cấp bổ sung trong năm theo báo cáo tình hình thực hiện của các địa phương. Tình giao dự toán cho các huyện, thành phố và đơn vị dự toán khối tỉnh bằng dự toán TW giao, trong năm sẽ điều chỉnh hoặc bổ sung kinh phí sau khi được NSTW thẩm định và bổ sung kinh phí cho tỉnh.

3. Chi từ nguồn thu chuyển nguồn 48,59 tỷ đồng

Phân bổ đúng theo nội dung, nhiệm vụ thu chuyển nguồn.

4. Chi từ nguồn viện trợ, đóng góp 26,6 tỷ đồng = dự toán thu.

IV. BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 30.679 tỷ đồng, trong đó:

1. Trả nợ gốc vốn vay tín dụng ưu đãi của Ngân hàng Phát triển theo cam kết: 30 tỷ đồng.

2. Trả nợ gốc vốn vay lại Chính phủ thực hiện các dự án ODA số tiền 679 triệu đồng (không bao gồm số trả nợ gốc tiền vay của Chương trình CPRP 226 triệu đồng do Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh tự đảm bảo nguồn kinh phí trả nợ từ nguồn vốn vay thu hồi theo Hiệp định).

V. CHI TRẢ NỢ GỐC TIỀN VAY 30,679 tỷ đồng, được bố trí từ nguồn bội thu (tiết kiệm chi vốn đầu tư trong cân đối ngân sách).

(Nội dung chi tiết theo các biểu, phụ lục đính kèm)

Phần II

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 3 NĂM 2021-2023

Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023 của tỉnh được xây dựng căn cứ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025; ước thực hiện nhiệm vụ thu, chi năm 2020 và dự kiến mức tăng trưởng kinh tế trên địa bàn 03 năm (2021 - 2023); dự toán chi được xác định theo chế độ, chính sách hiện hành của TW và của tỉnh; trong đó đảm bảo ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội và nhiệm vụ quốc phòng an ninh; thực hiện cơ cấu lại chi NSNN đảm bảo thực hiện an toàn nợ công thúc đẩy KT-XH phát triển để thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII.

I. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch

1. Kế hoạch thu NSNN 03 năm 2021-2023 được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch 03 năm 2020-2022; dự toán thu NSNN năm 2021 và mức tăng trưởng thu dự kiến cho năm 2022, năm 2023; đảm bảo nguyên tắc mọi khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định phải được tổng hợp, phản ánh đầy đủ vào cân đối NSNN theo quy định của Luật NSNN.

2. Trên cơ sở dự kiến nguồn thu trên địa bàn, nguồn thu của địa phương theo phân cấp quản lý, dự kiến số bổ sung từ NSTW cho NSDP do cơ quan có thẩm quyền thông báo trong 03 năm 2021-2023; dự kiến các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương giai đoạn 2021-2025 để lập kế hoạch chi NSDP năm 2021-2023, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ do TW và tỉnh đã ban hành; xác định nhu cầu bổ sung có mục tiêu từ NSTW đối với các chế độ, chính sách của TW cho từng năm của giai đoạn 2021-2023; đối với các nhiệm vụ chi phát sinh của địa phương từng năm của giai đoạn 2021-2023, bố trí theo thứ tự ưu tiên để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội trọng tâm của địa phương, trong phạm vi khả năng nguồn lực.

3. Mức chi cân đối ngân sách năm 2022, 2023 được dự kiến theo mức tiền lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng, sẽ cập nhật bổ sung sau khi TW ban hành chính sách tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của BCH TW

Đảng khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

4. Việc xây dựng số thu, nhiệm vụ chi, bội chi và vay nợ trên cơ sở Luật NSNN, các Luật về thuế, phí, lệ phí, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công, các Luật có liên quan đang có hiệu lực và các văn bản hướng dẫn; định hướng cơ cấu lại NSNN và quản lý nợ công theo Nghị quyết số 07-NQ/TW; lộ trình triển khai các Nghị quyết Hội nghị Trung ương Khóa XII, đặc biệt là Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW; các chế độ, chính sách, nhiệm vụ chi theo Nghị quyết của HĐND tỉnh; chương trình, dự án chi ngân sách đang được thực hiện theo phân kỳ được phê duyệt; các thỏa thuận, hiệp định vay nợ đã được ký kết, triển khai theo cam kết.

5. Trên cơ sở mức dư nợ dự kiến của NSDP đến ngày 31/12/2020, nhu cầu vay vốn cho ĐTPT (vay lại vốn vay của Chính phủ để thực hiện các dự án ODA) năm giai đoạn 2021-2023 và khả năng trả nợ trong trung hạn của NSDP, để dự kiến số bội thu, bội chi NSDP, đảm bảo mức dư nợ vay của địa phương vào thời điểm cuối từng năm không vượt giới hạn theo quy định.

6. Dự toán chi từ nguồn vốn ODA (bao gồm vốn vay và viện trợ), vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài được xây dựng phù hợp với các cam kết đã ký với nhà tài trợ, khả năng bố trí vốn đối ứng và tiến độ thực hiện.

II. Nội dung kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm 2021-2023

(Theo các biểu chi tiết đính kèm)

Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng kính trình./.

Nơi nhận :

- TTr. HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP (KT) UBND tỉnh;
- Sở Tài chính, KH-ĐT;
- Lưu VT, KTHH (2).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sơn